

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2020/HS-ST

Ngày 24 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Phạm Xuân Thọ và ông Bùi Thanh Bình

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân T
phố V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân T phố V tham gia phiên toà: Bà Đỗ
Hường Dung - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân T phố V, tỉnh Vĩnh
Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2020/HS-ST ngày 15
tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 84/2020/HSST-
QĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/9/1992; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở:
Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính:
Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; đoàn thể, đảng phái:
Không; văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị S; vợ, con: chưa
có; quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày
13/8/2019 đến nay (có mặt).

2. Chu Văn T, sinh ngày 03/02/1988; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn
T, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính:
Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đoàn thể, đảng phái:
Không; văn hóa: 12/12; con ông Chu Văn T và bà Đỗ Thị Th; có vợ là Nguyễn
Thị Mai H và có 02 con; quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị
bắt tạm giam từ ngày 07/8/2019 đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 29/11/1981; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở:
Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính:
Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; đoàn thể, đảng phái:
Không; văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn C và bà Phạm Thị X; có vợ là Nguyễn
Thị Y và có 01 con; quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt
tạm giam từ ngày 10/3/2020 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn T: Ông Vũ Văn V, Luật sư Công ty
luật TNHH DG, đoàn luật sư tahnhf phố H Nội (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Ngọc Tr, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S,

tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1993; nơi cư trú: TDP Đ, phường Đ, T phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Mai H2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối 23/6/2019, sau khi đi ăn uống xong, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1 đi chơi bằng xe ô tô BKS: 30F-331.54 do H điều khiển. Trên xe ô tô, H rủ H1 đi đến quán Karaoke Ising thuộc phường L, thành phố V để hát và sử dụng ma túy, H1 đồng ý. H bảo với H1 cùng đi đón chị Nguyễn Hồng N (bạn gái H) để cùng đi hát và sử dụng ma túy. H1 đồng ý, H tiếp tục bảo H1 có bạn ở gần thì gọi đến cùng sử dụng ma túy cho vui, nên H1 gọi điện thoại rủ anh Trần Ngọc Tr đến quán ISing hát, anh Tr đồng ý (mục đích của H1 là gọi anh Tr đến để sử dụng trái phép chất ma túy). Sau khi H và H1 đón chị N rồi cùng đi đến quán ISing. Khi đến nơi, H, Nhung và H1 đi vào quán bằng cửa sau thì thấy chị Vì Thị Ng đang đứng sau quầy lễ tân còn Chu Văn T (quản lý quán Ising) đang ngồi trên ghế gần quầy lễ tân. Lúc này chị N đi vệ sinh, còn H và H1 đi đến vị trí T đang ngồi, H bảo với T “*Cho một phòng để chơi*” (ý H hỏi thuê phòng để sử dụng ma túy), T hiểu và đồng ý, bảo H và H1 lên phòng 303 của quán. Ngay sau đó, H bảo với T “*Cho nửa chỉ ke với mấy cái kẹo để chơi*” (ý H hỏi mua của T nửa chỉ ma túy Ketamine và một số viên ma túy kẹo là ma túy MDMA để H cùng đồng bọn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy). T đồng ý và nói H cứ đi lên phòng hát đi. Sau đó T đưa H và H1 vào thang máy, khi đi qua quầy lễ tân, T bảo chị Ng bắt đầu tính giờ phòng 303. Khi lên đến phòng, T bật máy để hát thì H bảo T gọi thêm một nhân viên nữ đến phục vụ phòng hát, T đồng ý. Lúc này, anh Nguyễn Văn Đ là nhân viên của quán cầm cốc, đĩa hoa quả vào phòng rồi đi ra. T ở lại hát cùng với H và H1 một lúc thì chị N đi vào phòng. Khoảng 15 phút sau, H bảo T “*Mang đồ vào*” (ý H bảo T mang ma túy vào để sử dụng) nên T đi ra khỏi phòng. Khoảng 5 phút sau, T quay lại đưa cho H 01 viên ma túy kẹo, H sử dụng luôn bằng hình thức uống vào cơ thể. Sau đó T tiếp tục đưa cho H và H1 mỗi người một nửa viên ma túy kẹo. H cầm lấy nửa viên ma túy kẹo đưa cho N, H1 cầm nửa viên ma túy kẹo từ T. H1 và N cùng sử dụng hết nửa viên ma túy kẹo bằng hình thức uống ma túy vào cơ thể. Sau khi sử dụng ma túy, H, H1, N, T nhảy múa theo nhạc được khoảng 30 phút thì H nói với T “*Đem nốt đồ vào, xào ke đi*” (ý H nói T đem ma túy ketamine vào chế biến để sử dụng). T đi ra ngoài rồi quay trở lại phòng 303 đem theo 1 đĩa sứ màu trắng và 1 gói ma túy ketamine rồi đổ ma túy ke ra đĩa. T bảo H “*Lấy cho cái thẻ, đi cuốn ống hút đi*”. H hiểu ý T bảo lấy công cụ sử dụng ma túy nên hỏi mượn của H1 một thẻ nhựa và một tờ tiền. H1 lấy 01

thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Đức C, sinh năm 1986 trú tại thôn T, xã T, huyện L và 01 tờ tiền polime 10.000đ đưa cho H. H cầm thẻ căn cước công dân đưa cho T, còn tờ tiền 10.000đ, H cuốn T ống hút. T cầm thẻ “xào” ma túy ke trên đĩa (tức là đồ ma túy ketamine lên đĩa, dùng bật lửa đốt dưới đáy đĩa rồi tán mịn ma túy ke, chia T các đường kẻ để sử dụng bằng hình thức dùng ống hút hít qua đường mũi). Sau đó, T là người sử dụng đầu tiên bằng ống hút được H cuốn bằng tờ tiền 10.000đ do H1 đưa rồi bảo H sử dụng. H sử dụng xong bê đĩa ma túy ke đến mời chị N sử dụng. Chị N sử dụng xong, đặt đĩa ma túy lên mặt bàn uống nước ở vị trí trước mặt chị. Khi mọi người đang sử dụng ma túy thì lần lượt anh Trần Ngọc Tr (bạn H1) và chị Trần Thị L (nhân viên quán hát được T gọi đến theo yêu cầu của H) đi vào phòng. T đưa cho anh Tr nửa viên ma túy kẹo để sử dụng, anh Tr sử dụng hết nửa viên ma túy kẹo rồi tự đi đến vị trí đặt đĩa sứ chứa ma túy ke sử dụng 1 đường ke. Sau đó, T đưa cho chị Loan nửa viên ma túy kẹo gói trong 1 tờ giấy ăn, khi T đang đưa ma túy cho chị Loan thì H1 cầm lấy viên ma túy kẹo, bỏ tờ giấy ăn đi rồi đưa cho Loan và hỏi: “*Em có sử dụng được ma túy kẹo không?*” thì L trả lời: “*Em chơi được ít*” rồi L cầm một nửa viên ma túy kẹo mà H1 đưa, sử dụng bằng hình thức uống ma túy vào cơ thể. Khoảng 30 phút sau, H1 cùng L ra khu vực bàn có đĩa ma túy ke hỏi L có chơi được ma túy ke không thì L bảo em chơi được ít lắm. H1 lấy thẻ căn cước công dân ở trên đĩa kẻ 2 đường nhỏ ma túy ke rồi đưa ống hút bảo L sử dụng. L cầm ống hút hít ½ đường ma túy ke rồi H1 cầm ống hút hít hết số ma túy ke còn lại. Sau đó, T đi ra ngoài còn H, H1, N, Tr, L ở trong phòng nhảy theo nhạc. Đến 00 giờ 20 phút ngày 24/6/2019, tổ công tác công an T phố V tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện các đối tượng Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn H2 Nhung, Trần Ngọc Tr và Trần Thị L có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên đã đưa về trụ sở cơ quan điều tra làm việc. Vật chứng thu giữ: Thu giữ trên mặt bàn để đồ trong phòng 303 quán karaoke I Sing 01 đĩa sứ màu trắng có bám dính tinh thể màu trắng; 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Đức Cường (niêm phong ký hiệu A1); 02 chiếc bật lửa ga đã qua sử dụng; tạm giữ 01 xe ô tô BKS: 30F-331.54 cùng bản sao Giấy chứng nhận đăng ký; Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện. Kiểm tra trong xe ô tô, phát hiện thu giữ tại ghế sau của xe ô tô vật bằng kim loại và nhựa màu đen, hình dáng giống khẩu súng (niêm phong ký hiệu B1).

Ngày 13/8/2019, quá trình bắt giữ T, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS: 88L1-105.65.

Tại bản Kết luận giám định số 1189 ngày 27/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: “*Chất bám dính màu trắng trên bề mặt lòng đĩa của đĩa sứ có trong mẫu ký hiệu A1 là ma túy, loại Ketamine*”.

Tại bản Kết luận giám định số 1190, 1191, 1192, 1193, 1194 ngày 27/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: “*Trong mẫu nước tiểu của H, H1, Tr, L, N có chất ma túy MDMA và Ketamine*”.

Tại kết luận giám định số 1298 ngày 05/7/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Mẫu vật gửi giám định được làm bằng kim loại, nhựa, có cấu tạo hình khẩu súng không phải là vũ khí quân dụng hoặc công cụ hỗ trợ mà là đồ chơi nguy hiểm (súng nén hơi bắn đạn nhựa hoặc đạn các loại) theo quyết định số 464/BNV ban Hnh ngày 27/12/1993 của Bộ Nội Vụ (nay là Bộ Công an). Tại thời điểm giám định, mẫu vật không hoạt động được do đã hết khí gas”*.

Về nguồn gốc số ma túy mà Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Hồng N, Trần Ngọc Tr và Trần Thị L sử dụng tại phòng 303 quán karaoke I Sing vào đêm ngày 23, rạng sáng ngày 24/6/2019 là của bị cáo Chu Văn T bán cho Nguyễn Văn H, số lượng là nửa chỉ ma túy ke (loại ketamine) và 03 viên ma túy kẹo (loại MDMA).

Về nguồn gốc số ma túy Chu Văn T bán cho Nguyễn Văn H, quá trình điều tra, T khai nhận nhặt được 03 viên ma túy kẹo trước đó, còn số ma túy ketamine T không thừa nhận. Tại phiên tòa T thừa nhận số ma túy ke bị cáo T nhặt được cùng với số ma túy kẹo.

Tại Cáo trạng số: 85/CT-VKSNDTPVY-VP ngày 13/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân T phố V đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Chu Văn T và Nguyễn Văn H1 về tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự và truy tố thêm bị cáo Chu Văn T về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 khai nhận Hnh vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Quá trình điều tra bị cáo Chu văn T chỉ thừa nhận có bán có bị cáo H 03 viên ma túy kẹo. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi bán 03 viên ma túy kẹo và ½ chỉ ma túy ke cho bị cáo H và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Ngọc Tr và chị Nguyễn Thị Mai H2 có mặt tại phiên tòa thừa nhận như nội dung cáo trạng. Chị Trần Thị L và chị Nguyễn Hồng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận như nội dung cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 phạm tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Bị cáo Chu văn T phạm tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* và tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 03 tháng tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* và 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù

về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa sứ bảm dính tinh chất màu trắng; 02 bát lửa ga; các mẫu thu nước tiểu của các đối tượng được hoàn lại sau giám định; 01 khẩu súng là đồ chơi nguy hiểm; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ; trả lại cho Chu Văn T 01 xe máy BKS: 88L1-405.65 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hình án; Xác nhận cơ quan điều tra đã thu và trả lại cho anh Trần Tuấn A 01 xe ô tô BKS: 30F-331.54 là hợp pháp.

Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xét nhân thân bị cáo và sự T khẩn của bị cáo tại phiên tòa để xem xét mức hình phạt cho bị cáo T ở mức khởi điểm của 02 khung hình phạt.

Các bị cáo không có bào chữa, tranh luận gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa; lời khai của bị cáo Chu Văn T tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 23/6/2019, tại phòng 303, Quán Karaoke Ising thuộc khu đô thị H, phường L, T phố V, tỉnh Vĩnh Phúc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 và Chu Văn T có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Trần Ngọc Tr, Nguyễn Hồng N và Trần Thị L bằng cách uống và hít vào cơ thể đến 00 giờ 20 phút ngày 24/6/2019 bị kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng. Ngoài ra cũng tại quán Karaoke Ising bị cáo Chu Văn T có hành vi bán trái phép 03 viên ma túy kẹo (loại ma túy MDMA) và 1/2 chỉ ma túy ke (loại ma túy ketamin) cho bị cáo Nguyễn Văn H để bị cáo H tổ chức sử dụng.

Hành vi tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 và Chu Văn T đã phạm vào tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255. Ngoài ra, Hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo Chu Văn T cho bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b) Đối với 02 người trở lên;

Tại khoản 1 điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng. Bị cáo T còn phạm thêm tội theo khoản 1 Điều 251 có mức cao nhất của khung hình phạt đến 7 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Hiện tại trên địa bàn T phố V các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo có sự bàn bạc, chỉ đạo xong giữa các bị cáo không có sự câu kết, tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm, do vậy chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn.

Xét vai trò các bị cáo thấy bị cáo H là người trực tiếp khởi xướng, rủ rê bị cáo H1, chị N, bảo bị cáo H1 rủ thêm anh Trung, chuẩn bị chất ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy và chỉ đạo người khác tìm người sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo T thực hiện với vai trò là người giúp sức chuẩn bị, chế biến ma túy và chia ma túy cho H, H1, T và L. Đối với Nguyễn Văn H1 là người được H rủ, tiếp nhận ý chí từ H về việc rủ rê thêm đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra H1 còn giúp sức cho mượn thẻ căn cước và tờ tiền 10.000đ để H và T chuẩn bị ma túy ketamine và chuẩn bị công cụ sử dụng trái phép chất ma túy, chủ động mời và giúp L sử dụng trái phép chất ma túy nên cần áp dụng hình phạt thương xứng với hành vi của từng bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét đến tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo H, H1 đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo T quá trình điều tra chưa tỏ ra T khẩn khai báo tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo T đã T khẩn khai báo

và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo T.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với người có liên quan đến vụ án:

Đối với chị Nguyễn Hồng N, anh Trần Ngọc Tr và chị Trần Thị L là người có mặt và sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 303 quán karaoke I Sing theo sự rủ rê của các bị cáo. Quá trình điều tra xác định những người này không có hành vi giúp sức cho các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không biết và không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Chu Văn T. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Tuy nhiên, chị N, anh Tr và chị L đều có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an thành phố V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Nguyễn Hồng N, anh Trần Ngọc Tr và chị Trần Thị L là phù hợp, đúng pháp luật.

Đối với anh Khổng Trung D là cơ sở kinh doanh quán Karaoke I Sing, anh D không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Tuy nhiên, anh D là chủ cơ sở kinh doanh nhưng đã buông lỏng trong quản lý dẫn đến các bị cáo lợi dụng thuê phòng hát để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Chủ tịch UBND thành phố V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh D về hành vi trên là phù hợp, đúng pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ và chị Vi Thị Ng đều là nhân viên của quán Karaoke I Sing, không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 đĩa sứ màu trắng là đĩa đựng hoa quả của quán Karaoke I Sing, được bị cáo T sử dụng làm công cụ chế biến ma túy Ketamine. Anh Khổng Trung D không có yêu cầu nhận lại đĩa sứ này và đĩa sứ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 02 chiếc bật lửa ga là công cụ bị cáo T sử dụng để chế biến ma túy Ketamine, hiện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với tờ tiền mệnh giá 10.000đ của bị cáo Nguyễn Văn H1 đưa cho bị cáo Nguyễn Văn H để cuốn T ống hút làm công cụ sử dụng ma túy ketamine là vật chứng vụ án cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Đức C, quá trình điều tra bị cáo H2 khai nhận giúp anh C lấy thẻ căn cước công dân này tại một nhà nghỉ ở huyện Đ, tỉnh Phú Thọ từ tháng 01/2019 nhưng chưa trả lại cho anh C. Cơ quan điều tra đã triệu tập nhưng anh C không có mặt tại địa phương, hiện không rõ anh C đi đâu, làm gì. Ngày 23 và 24/6/2019, anh C không có mặt tại phòng 303 quán Karaoke I Sing, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này. Do vậy, cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ thẻ căn cước này để điều tra, khi nào triệu tập được anh C, làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota BKS: 30F-331.54 tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn H. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô trên thuộc sở hữu của anh Trần Tuấn A. Anh A mua mới chiếc xe trên từ tháng 8/2018, đăng ký chính chủ và sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 20/6/2019, khi đang ngồi uống nước tại một quán nước ở phường Đ, thành phố V. Do có mối quan hệ bạn bè từ trước nên anh A cho bị cáo H mượn để đi giải quyết công việc. Anh A không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh A chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ liên quan. Anh A nhận lại xe và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS: 88L1-405.65 tạm giữ của bị cáo Chu Văn T, quá trình điều tra xác định xe máy đăng ký chủ sở hữu là anh Nguyễn Trường S. Năm 2018, do không còn nhu cầu sử dụng xe nên anh S bán lại xe máy trên cho anh Khổng Trung D (chủ quán Karaoke I Sing). Tháng 02/2019 anh D bán lại cho bị cáo Chu Văn T làm phương tiện đi lại cá nhân. Quá trình sử dụng, anh D và T đều không làm thủ tục đăng ký lại chủ sở hữu, được mua bằng tiền do bị cáo T và vợ là chị Nguyễn Thị mai H2 lao động hợp pháp mà có. Bị cáo T không sử dụng xe máy này vào hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

Đối với khẩu súng là đồ chơi nguy hiểm thu giữ trên xe ô tô của bị cáo H, quá trình điều tra xác định H nhặt được khẩu súng đồ chơi trên, khi nhặt được, khẩu súng đã không sử dụng được, tuy nhiên H cất giữ mục đích sửa chữa lại để sử dụng. Do vậy, Nguyễn Văn H có hành vi tàng trữ đồ chơi nguy hiểm. Ngày 09/3/2020, Chủ tịch UBND T phố V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Nguyễn Văn H về hành vi trên, hình thức xử phạt là phạt tiền, mức phạt 7.500.000đ.

[7] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 13/8/2019).

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn T 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; buộc bị cáo Chu Văn T chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 07/8/2019).

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 10/3/2020).

4. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sù, 02 bật lửa ga, các mẫu nước tiểu ký hiệu từ M1 đến M5 được hoàn lại sau giám định, 01 khẩu súng (đồ chơi nguy hiểm).

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước tờ tiền mệnh giá 10.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn T 01 xe máy BKS: 88L1-405.65 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(*Đặc điểm như Biên bản bàn giao vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 6 năm 2020*)

5. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Chu Văn T, Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS TP V;
- Thi Hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mẫu Văn Mùi